TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/DS-ST
Ngày 18 tháng 03 năm 2021
"*V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN NHÂN HUYỆN H – TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Tú Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lại Thiện Phong**

2. Bà **Trương Thị Hồng Gi**

Thư ký phiên tòa: Bà **Thái Kim Phương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà **Lê Huyền Mao** – Kiểm sát viên

Trong ngày 18 tháng 03 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện H mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 194/2020/TLST-DS, ngày 24 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) K**

Địa chỉ: Số 66 đường P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A - Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Hùng H - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP K - chi nhánh B - phòng giao dịch P (Theo văn bản ủy quyền số 1395/NHKL ngày 29/6/2020 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP K).

Người được ủy quyền lại: Ông **Võ Tấn Đ**, sinh năm 1987 - Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng TMCP K - chi nhánh B - phòng giao dịch P (Theo văn bản ủy quyền số 454/GUQ-PGDPL ngày 30/9/2020) *(Có đơn xin vắng mặt).*

Địa chỉ: Ấp N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Bà **Phan Thị N**, sinh năm 1985 *(Vắng mặt không lý do)*

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai người đại diện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K là ông Võ Tấn Đ trình bày: Vào ngày 22/03/2019 bà Phan Thị N có ký kết

hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A754261/HĐTD-CC với Ngân hàng TMCP K – chi nhánh B – phòng giao dịch P để vay số tiền là 25.000.000 đồng, thời hạn vay 180 ngày. Ngày giải ngân tiền vay là ngày 22/03/2019. Mục đích sử dụng vốn vay là mua bán. Lãi suất trong hạn là 16%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất quá hạn. Hình thức thanh toán: gốc, lãi trả hàng ngày. Tài sản dùng để thế chấp bảo đảm cho hợp đồng vay là là xe gắn máy HONDA FUTURE, biển kiểm soát: 94F1-087.32, số máy C54E-1017093, số khung: 5350DY010132.

Tiếp đó vào ngày 24/12/2019, bà Phan Thị N có ký kết hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A714010/HĐTD-CC với Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh B – phòng giao dịch P đề vay số tiền là 10.000.000 đồng, thời hạn vay 180 ngày. Ngày giải ngân tiền vay là ngày 24/12/2019. Mục đích sử dụng vốn vay là mua bán. Lãi suất trong hạn là 16%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất quá hạn. Hình thức thanh toán: gốc, lãi trả hàng ngày.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà Phan Thị N chỉ thanh toán được cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền là 14.894.871 đồng nên đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký. Nay Ngân hàng TMCP K yêu cầu Tòa án nhân dân huyện H xem xét, giải quyết: Buộc bà Phan Thị N phải có trách nhiệm thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 30/9/2020 đối với hai hợp đồng tín dụng nêu trên là **28.316.399 đồng** *(trong đó: Vốn gốc là 21.194.444 đồng, lãi trong hạn là 1.672.329 đồng, lãi quá hạn là 5.449.626 đồng)* và tiền lãi theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký từ ngày 01/10/2020 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K, sau khi bản án có hiệu lực bà Phan Thị N không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ số tiền nợ thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là xe gắn máy HONDA FUTURE, biển kiểm soát: 94F1-087.32, số máy C54E-1017093, số khung: 5350DY010132 hoặc chỉ định tài sản khác để thực hiện việc phát mãi thu hồi nợ theo quy định. Ngoài ra Ngân hàng TMCP K không có yêu cầu gì khác.

Ngày 01/02/2021, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K có đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện: Theo đó Ngân hàng không yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm nghĩa vụ thanh toán của bà Phan Thị N.

Đối với đồng bị đơn bà Phan Thị N: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có đến nhà bà N để tống đạt các văn bản tố tụng cũng N làm việc với bà N tuy nhiên bà N không có mặt tại địa phương. Qua xác minh chính quyền địa phương thì được biết bà Phan Thị N hiện tại không có mặt tại địa phương nhưng bà N vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và trong một năm thì bà N có về địa phương một vài lần Nng không biết chính xác khi nào bà N về. Do đó Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà N đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K. Đồng thời Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định để giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- *Về thủ tục tố tụng*: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử hôm nay nguyên đơn, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của

Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K. Buộc bà Phan Thị N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/3/2021) là **30.671.595** đồng *(trong đó: Vốn gốc là 21.194.444 đồng, lãi trong hạn là 1.672.329 đồng, lãi quá hạn là 7.804.822 đồng)* và tiền lãi phát sinh theo thoả thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt nợ. Ngoài ra bà N còn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Phan Thị N phải trả nợ vay cho Ngân hàng. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng đồng thời bị đơn có nơi cư trú tại ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Người đại diện của nguyên đơn là ông Võ Tấn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Phan Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với người đại diện của nguyên đơn và bị đơn căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

Về nội dung vụ án:

[3] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP K yêu cầu bà Phan Thị N trả nợ vay cho Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở để xác định vào ngày 22/03/2019 bà Phan Thị N có ký kết hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A754261/HĐTD-CC với Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh B – phòng giao dịch P để vay số tiền gốc là 25.000.000 đồng, tài sản dùng để thế chấp cho hợp đồng vay này là xe gắn máy HONDA FUTURE, biển kiểm soát: 94F1-087.32, số máy C54E-1017093, số khung: 5350DY010132. Tiếp đó đến ngày 24/12/2019, bà Phan Thị N ký kết hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A714010/HĐTD-CC với Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh B – phòng giao dịch P để vay số tiền gốc là 10.000.000 đồng, vay theo hình thức tín chấp. Khi ký kết các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP K thì bà N có ghi rõ địa chỉ của bà tại ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nhưng đến hạn thanh toán nợ bà N đã rời khỏi địa phương không thông báo cho Ngân hàng biết, chính quyền địa phương cũng không rõ bà N đi đâu. Từ đó cho thấy bà N cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng TMCP K. Do đó việc Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu bà Phan Thị N có trách nhiệm trả nợ vay cho Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận.

Đối với hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cấm cố số A754261/HĐTD-CC được ký kết giữa bà Phan Thị N với Ngân hàng TMCP K vào ngày 22/03/2019 thì bà N có thế chấp tài sản là xe gắn máy HONDA FUTURE, biển kiểm soát: 94F1-087.32, số máy C54E-1017093, số khung: 5350DY010132 cho Ngân hàng, tuy nhiên Ngân hàng không yêu cầu xử lý đối với tài sản thế chấp này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/3/2021), tổng số tiền gốc và lãi mà bà Phan Thị N còn nợ Ngân hàng TMCP K theo hợp đồng vay số A754261/HĐTD-CC ngày 22/03/2019 và hợp đồng vay số A714010/HĐTD-CC 24/12/2019 là 30.671.595 đồng (trong đó: Vốn gốc là 21.194.444 đồng, lãi trong hạn là 1.672.329 đồng, lãi quá hạn là 7.804.822 đồng). Do đó cần buộc bà Phan Thị N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/3/2021) là **30.671.595** đồng.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[6] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Phan Thị N phải nộp án phí số tiền là **1.534.000** đồng *(30.671.595 đồng x 5% = 1.533.579 đồng, lấy tròn 1.534.000 đồng).*

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào các Điều 2; 6; 7, 7a; 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K đối với bà Phan Thị N. Buộc bà Phan Thị N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP K tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/03/2021) là **30.671.595** đồng (trong đó: Vốn gốc là 21.194.444 đồng, lãi trong hạn là 1.672.329 đồng, lãi quá hạn là 7.804.822 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

2. Về án phí: Buộc bà Phan Thị N nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 1.534.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Ngân hàng TMCP K đã nộp tạm ứng án phí số tiền là 708.000 đồng theo biên lai thu số 0003373 ngày 24/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H được hoàn lại toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh (1b);
- VKSND huyện (2b);
- CC.THADS huyện (1b);
- Các đương sự (12b);
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa (2b).

Phan Tú Anh